M.S.D.N:2500302820-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI ĐẠO TÚ
H. TAM DƯƠNG - T. VĨNH PHÚC

XUAN MAI CORP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ
DN: OU=CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ, O=CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ, E=xuanmaidaotu.xmd@gmail.com
Reason: Báo cáo thường niên năm 2022 - Công bố V2
Location: Báo cáo thường niên năm 2022 - Công bố V2
Date: 2023.04.02 09:04:51 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.0

Kính thưa quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, các công ty đối tác, cán bộ nhân viên cũng như những người bạn đồng hành đáng trân quý của công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú.

Năm 2022 là một năm vẫn còn rất nhiều khó khăn đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, là năm vừa ảnh hưởng sau đại dịch Covit-19 và chiến tranh giữa Nga và Ukraina và càng ngày càng nghiêm trọng ảnh hưởng sâu sắc tới toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội của đất nước.

Với khó khăn và thách thức như vậy, Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú cùng với sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn bộ cán bộ công nhân viên đã cố gắng hết mình, kết quả được thể hiện rõ cụ thể với hàng loạt các công trình trên địa bàn được ký kết, doanh thu năm 2022 đạt 134.234 triệu đồng tăng đáng kể so với năm 2021. Thành công này có được là do công tác bán hàng, quản lí doanh nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh hoàn thiện, cùng với đó là việc tiết giảm chi phí và đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm các đối tác. Với thực trạng kinh doanh có nhiều thuận lợi và dư địa phát triển còn nhiều, Ban Lãnh đạo Công ty quyết tâm đặt ra những mục tiêu tăng trưởng mới trong thời gian tới, thông qua việc tăng số lượng đơn hàng, chú trọng phát triển bộ nhận diện tới từng khách hàng tiềm năng, đảm bảo, nâng cao chất lượng các sản phẩm của công ty từ những thứ nhỏ nhất nhằm giữ mối quan hệ lâu dài với khách hàng và không làm ảnh hưởng tới uy tín Công ty.

Công ty Cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú đã đi qua một chặng đường dài xây dựng và phát triển không ngừng, Công ty đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ, đạt được nhiều thành công, luôn khẳng định được giá trị bền vững của một công ty xây dựng trên địa bàn cũng như toàn quốc. Bước sang năm 2023 với những thử thách mới, khó khăn mới, với những mục tiêu kế hoạch mới đề ra Ban lãnh đạo công ty tin tưởng rằng mọi nhiệm vụ của Công ty hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự giúp đỡ của quý khách hàng và đối tác chiến lược.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty, tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành về sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị cổ đông trong thời gian qua, tôi xin được trân trọng cảm ơn về sự tin tưởng và hợp tác tích cực của các đối tác cùng các quý vị khách hàng thân mến, tôi muốn được bày tỏ lòng biết ơn và ghi nhận về sự nỗ lực cố gắng, kiên cường và sáng tạo của đội ngũ Cán bộ công nhân viên công ty, những người trực tiếp viết nên những trang lịch sử, thành tích đáng được khích lệ và tự hào.

Trân trọng cảm ơn!

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 3 năm 2023

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2500302820-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI ĐẠO TÚ
H. TAM DƯƠNG - T. VĨNH PHÚC

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Hải

NỘI DUNG BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

02 THÔNG TIN CHUNG

03 Quá trình hình thành và phát triển
04 Thành tích đạt được
05 Ngành nghề kinh doanh
06 Địa bàn kinh doanh
07 Mô hình quản trị
09 Cơ cấu bộ máy quản lý
10 Định hướng phát triển
11 Nhân tố rủi ro

14 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

15 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
16 Tổ chức và nhân sự
20 Các dự án trong năm 2021
21 Tình hình tài chính
22 Cơ cấu cổ đông

25 BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

26 Báo cáo của Ban Giám đốc
30 Báo cáo của Hội đồng quản trị
32 Đánh giá của HĐQT về các mặt
33 Kế hoạch và định hướng của HĐQT
35 Báo cáo của Ban Kiểm soát

36 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

37 Trách nhiệm với người lao động
38 Trách nhiệm với môi trường
39 Trách nhiệm với cộng đồng xã hội
39 Trách nhiệm với nhà đầu tư

40 QUẢN TRỊ CÔNG TY

41 Hội đồng quản trị
41 Hoạt động của HĐQT
42 Giao dịch, thù lao HĐQT
42 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

43 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung
Ý kiến của Kiểm toán
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh Báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**
Tên giao dịch	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**
Tên tiếng Anh	:	XUANMAI DAO TU JOIN STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	**XMD**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1903000500 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2008, Hiện nay Công ty hoạt động theo GCN ĐKKD số 2500302820 thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đồng *(Bốn mươi tỷ đồng).*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 41.525.539.283 đồng (Tại ngày 31/12/2022).

Địa chỉ	:	Khu phố Bê Tông – xã Đạo Tú – huyện Tam Dương – tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại	:	(0211) 3615 457 Fax: (0211) 3895 574
Email	:	xuanmaidaotu.xmd@gmail.com
Website	:	www.betongdaotu.com.vn
Mã cổ phiếu	:	XMD
Sàn giao dịch	:	Upcom

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NĂM 2004

Thành lập chi nhánh CTCP Bê tông và Xây dựng Xuân Mai tại Vĩnh Phúc ngày 29/03/2004 theo quyết định số 272QĐ/BTXM-TCHC của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai.

NĂM 2008

Ngày 20/05/2008 Chủ tịch HĐQT CTCP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai ra Quyết định số 430/QĐ/BTXM-TCHC chuyển chi nhánh CTCP bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai tại Vĩnh Phúc thành Công ty cổ phần.

NĂM 2010

Ngày 22/07/2010 Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 21,5 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng.

NĂM 2015

Ngày 25/12/2015 ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch Upcom.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Cùng với Quá trình phát triển của Vinaconex Xuân Mai,Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú đã và đang tiếp tục góp phần tạo ra những sản phẩm chất lượng cao,giành được nhiều thành tích:

Năm 2005, Công ty là đơn vị đầu tiên trong ngành xây dựng được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ cho công trình ứng dụng sản xuất kết cấu kiện bê tông cốt thép dự ứng lực tiếp chế bằng phương pháp kéo trước cho các công trình xây dựng ở Việt Nam,

Giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ

Vinaconex Xuân Mai được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba theo QĐ số 487/KT/CÔNG TY ngày 28/06/2001 và Huân chương Lao động hạng Nhì theo QĐ số 523/QĐ/CTN ngày 29/04/2010,

Cờ thi đua Chính phủ

Ngày 21/01/2010,Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 139/QĐ-TTg về việc tặng Cờ thi đua Chính phủ cho Vinaconex Xuân Mai (nay là Công ty CP Xuân Mai – Đạo Tú) vì đã hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của thành phố Hà Nội,

Bằng khen khác

- Bộ xây dựng và Công đoàn ngành xây dựng tặng thưởng bằng khen "Đảm bảo nâng cao chất lượng công trình,sản phẩm" QĐ số 789/BXD-CĐXDVN ngày 17/05/2006,
- Bộ Khoa học và Công nghệ tặng thưởng Cúp vàng ISO, QĐ số 2223/QĐ-BKHCN ngày 11/10/2006,
- Huy chương vàng sản phẩm Dầm bê tông cốt thép dự ứng lực căng trước tiền chế tại triển lãm quốc tế vật liệu xây dựng và nội thất 2004,

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, Chi tiết - Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, các loại ống, cống thoát nước
- Xây dựng công trình dân dụng,công nghiệp,công trình cầu đường, thủy lợi
- Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp (như thi công nhà công nghiệp, nhà ở, các hệ thống điện, làm đường, san lấp mặt bằng hạ tầng cơ sở
- Vận tải hàng hóa,vận tải hàng siêu trường, siêu trọng đường bộ bằng ô tô
- Chế tạo và lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây truyền công nghệ, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng
- Sản xuất đá thành phẩm
- Khai thác đá
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng
- Dịch vụ thí nghiệm các vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ
- Kinh doanh bất động sản

Địa bàn kinh doanh

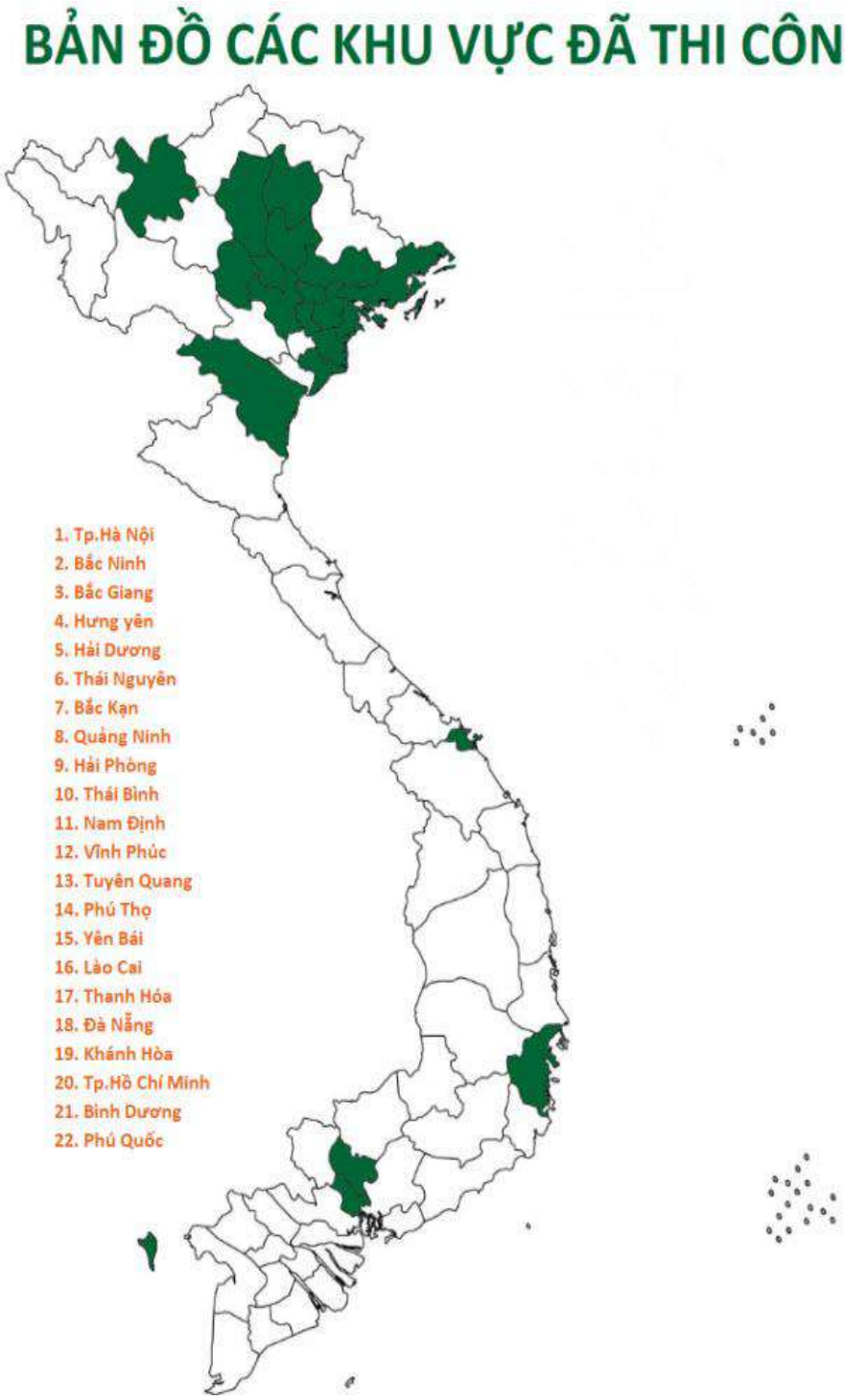

Sản phẩm chủ yếu của Công ty là cấu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm do vậy địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Hà Nội, Vĩnh Phúc và nhiều tỉnh thành trên toàn lãnh thổ Việt Nam

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Mô hình công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, BKS và Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty,

Ban kiểm soát:

Do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ,

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản trị của Công ty có 03 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích,quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ; Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm; Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ,

Ban Giám đốc:

Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua,

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

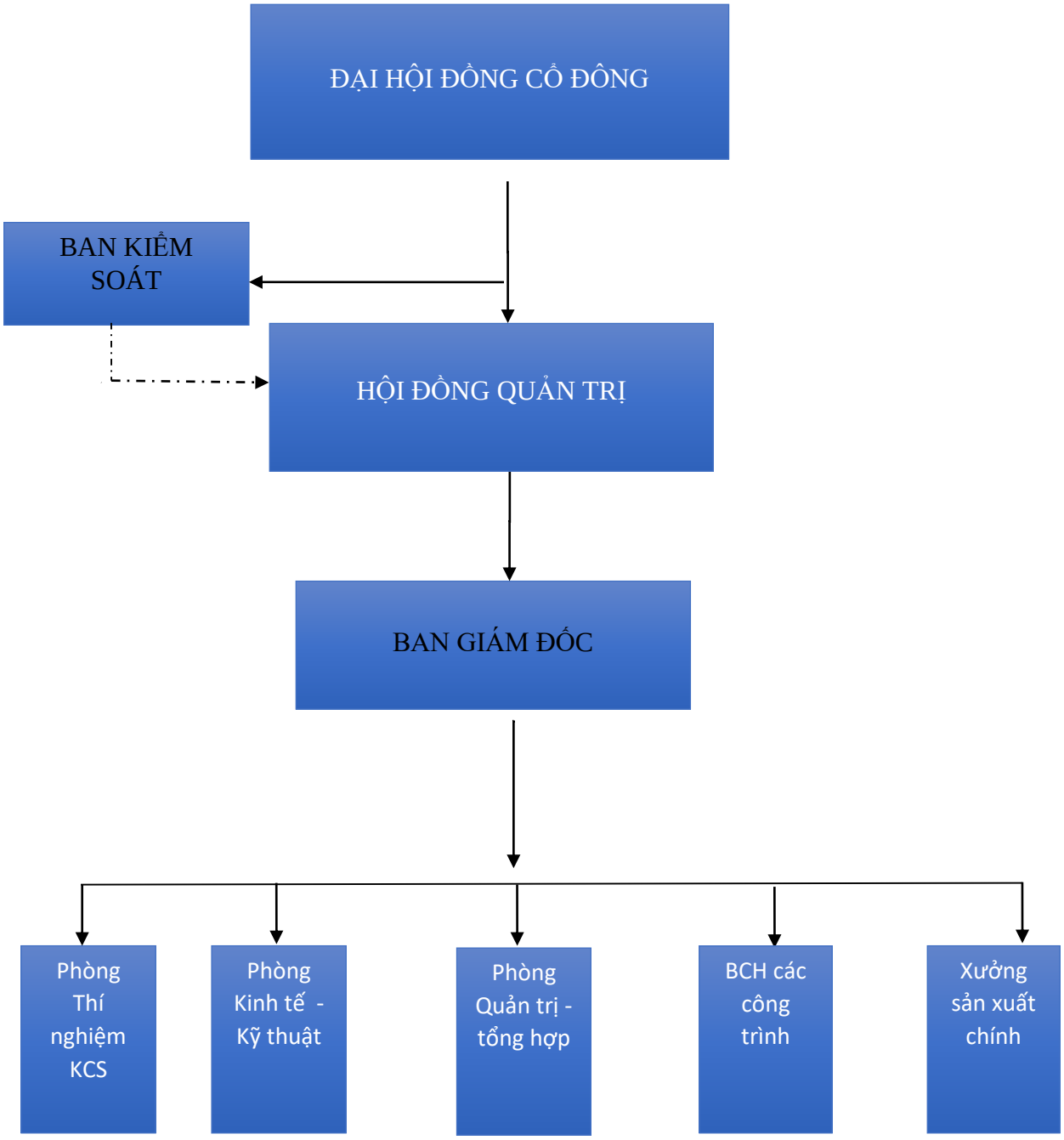

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm cấu kiện bê tông cốt thép dự ứng lực tiền chế, đó là sản phẩm cốt lõi, thế mạnh của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông. Bên cạnh đó từng bước nâng cao năng lực trong lĩnh vực lắp dựng các công trình, góp phần đáng kể vào tăng sản lượng, doanh thu của Công ty. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động, đặc biệt là công tác trả lương cho CBCNV, đóng BHXH cho người lao động rất kịp thời, đúng hạn, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với cơ quan Nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty đã đề ra chiến lược phát triển là: *"Phát triển bền vững"* đồng thời định hướng ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, Việc xây dựng nhân lực phải có chiến lược cụ thể và đồng bộ từ Tuyển Dụng - Sử Dụng - Giữ Người - Sa Thải.
- Không ngừng hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị nhằm phục vụ các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đang là thế mạnh của Công ty, đó là đẩy mạnh sản xuất và cung cấp các sản phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực tiền chế.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.

NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Năm 2022 là một năm nhiều biến động của thị trường bất động sản với nhiều thay đổi của yếu tố vĩ mô, cùng với sự mất cân đối trong nguồn cung tại nhiều phân khúc. Điều này đã gây ra nhiều khó khăn đến các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và ảnh hưởng đến các mục tiêu doanh thu, lợi nhuận kế hoạch của Công ty. Ngoài ra, rủi ro về thị trường bất động sản cũng có thể ảnh hưởng đến tình hình phát triển các dự án, tài chính của Chủ đầu tư, gây ra những khó khăn nhất định đối với nguồn việc, công tác thu hồi công nợ…của Công ty.

Thị trường bất động sản năm 2022 có nhiều biến động nhưng về cơ bản vẫn giữ được sự phát triển ổn định, các phân khúc thị trường và sản phẩm có sự tái cơ cấu hợp lý hơn.

Về ngành xây dựng, thị trường vật liệu xây dựng được phát triển hài hòa, bảo đảm đáp ứng nhu cầu trong nước, Theo số liệu tổng hợp, toàn ngành đã tăng trưởng hơn so với năm 2021.

Biện pháp ứng phó

Bám sát với thực trạng của thị trường bất động sản và lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam; thường xuyên có những phân tích, đánh giá.

Từ đó có những thích ứng kịp thời với xu thế thị trường, nhận định những phân khúc thị trường tiềm năng, Phát huy mạnh mẽ tính sáng tạo và cải tiến trong cách thức thi công, phương thức quản lý, hướng đến tối ưu hóa chi phí cho Chủ đầu tư, tạo nên những sản phẩm chất lượng, có khả năng thu hút mức độ tiêu thụ của thị trường.

Mở rộng tìm kiếm các cơ hội đầu tư nhiều tiềm năng và hiệu quả.

RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Rủi ro tiềm tàng lớn nhất của ngành xây dựng luôn là an toàn lao động vì hầu hết người lao động phải thực hiện các công việc nặng nhọc ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố thời tiết, làm việc trên cao, không gian kín, thiết bị máy móc hạng nặng, tiến độ thi công khẩn trương,…Tai nạn lao động có nguy cơ cao nếu không được kiểm soát bằng các hệ thống quản lý về an toàn lao động hiệu quả. Nếu xảy ra sẽ không chỉ tổn thất về con người, mà còn làm giảm sút sự tín nhiệm của Chủ đầu tư, công ty tư vấn và uy tín của Công ty trên thị trường, Trong năm 2021 và 2022, với sự mở rộng nhiều hơn nữa các công trường trên địa bàn hoạt động, công tác phòng ngừa rủi ro an toàn lao động luôn là vấn đề được ưu tiên hàng đầu

Biện pháp ứng phó

Ban An toàn của Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao tư duy thông qua việc ban hành các Quy chế và Quy định về an toàn lao động, luôn luôn nêu cao khẩu hiệu "An toàn là trên hết". Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng các Cẩm nang An toàn lao động, đầu tư các chương trình đào tạo về an toàn lao động thiết thực để tăng cường công tác đào tạo về nhận thức và thực hành cho các nhân sự làm việc tại công trường. Ngoài ra, công tác kiểm soát an toàn tại các công trường cũng liên tục được cải thiện với việc áp dụng các biện pháp đánh giá, báo cáo và khắc phục hàng tháng, hàng quý.

RỦI RO VỀ NHÂN SỰ

Rủi ro về nhân sự là một rủi ro rất lớn, ảnh hưởng đến sự ổn định của bộ máy tổ chức cũng như toàn bộ mọi hoạt động của Công ty, do con người chính là yếu tố cốt lõi trong việc vận hành và phát triển Công ty. Một trong những thách thức lớn là đảm bảo môi trường làm việc năng động, hiệu quả, xây dựng lộ trình phát triển có tiềm năng, có thái độ tốt và tinh thần học hỏi cao. Đó sẽ là nguồn lực trẻ kế thừa đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

Biện pháp ứng phó

Không ngừng cải thiện hơn nữa chế độ phúc lợi cho toàn thể CBNV, xây dựng chính sách lương, thưởng hiệu quả cho các tập thể và cá nhân, gắn liền với năng lực và kết quả công việc. Bên cạnh đó, gia tăng phúc lợi cho người lao động bằng việc thực hiện chế độ bảo hiểm sức khỏe dành riêng cho CBNV và người thân trong gia đình nhân viên.

Công đoàn XMD cũng luôn có những chương trình động viên, thăm hỏi các Ban Chỉ huy công trường, đặc biệt là những công trường xa, điều kiện không thuận lợi. Thêm vào đó chủ động tìm hiểu những hoàn cảnh khó khăn trong Công ty để có những hỗ trợ kịp thời. Các công tác và hoạt động cộng đồng cũng được diễn ra xuyên suốt nhằm kết nối các thành viên đại gia đình Xuân Mai – Đạo Tú.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng được chú trọng, từ các cấp nhân viên, quản lý cấp trung đến nhân sự quản lý cấp cao. Các chương trình đào tạo trực quan, sống động và có độ lan phủ rộng nhằm giúp nâng cao năng lực cũng như đảm bảo lộ trình phát triển của mỗi cá nhân.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một Công ty cổ phần Đại chúng đang giao dịch chứng khoán tại sàn UpCom, ngoài việc chịu ảnh hưởng dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Không chỉ có vậy, Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, phải chịu sự quản lý ngành và tác động của chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới,...của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành đều có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dù trong những năm trở lại đây, Nhà nước đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn có những điều bất cập trong quá trình thực thi. Các cơ quan ban hành pháp luật vẫn đang lắng nghe và tiếp tục điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách ưu đãi đối với ngành xây dựng và bất động sản sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn thiện nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

Biện pháp ứng phó

Công ty liên tục cập nhật các kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về chính sách, quy định pháp luật và chủ trương kinh tế. Đây là cơ sở để có được những đánh giá và tư vấn sát đáng cho các bộ phận của Công ty, Ngoài ra, Công ty còn hợp tác với các đội ngũ chuyên gia và văn phòng luật sư giàu kinh nghiệm, năng lực để có những tham vấn, phân tích đánh giá và hỗ trơ khi cần thiết.

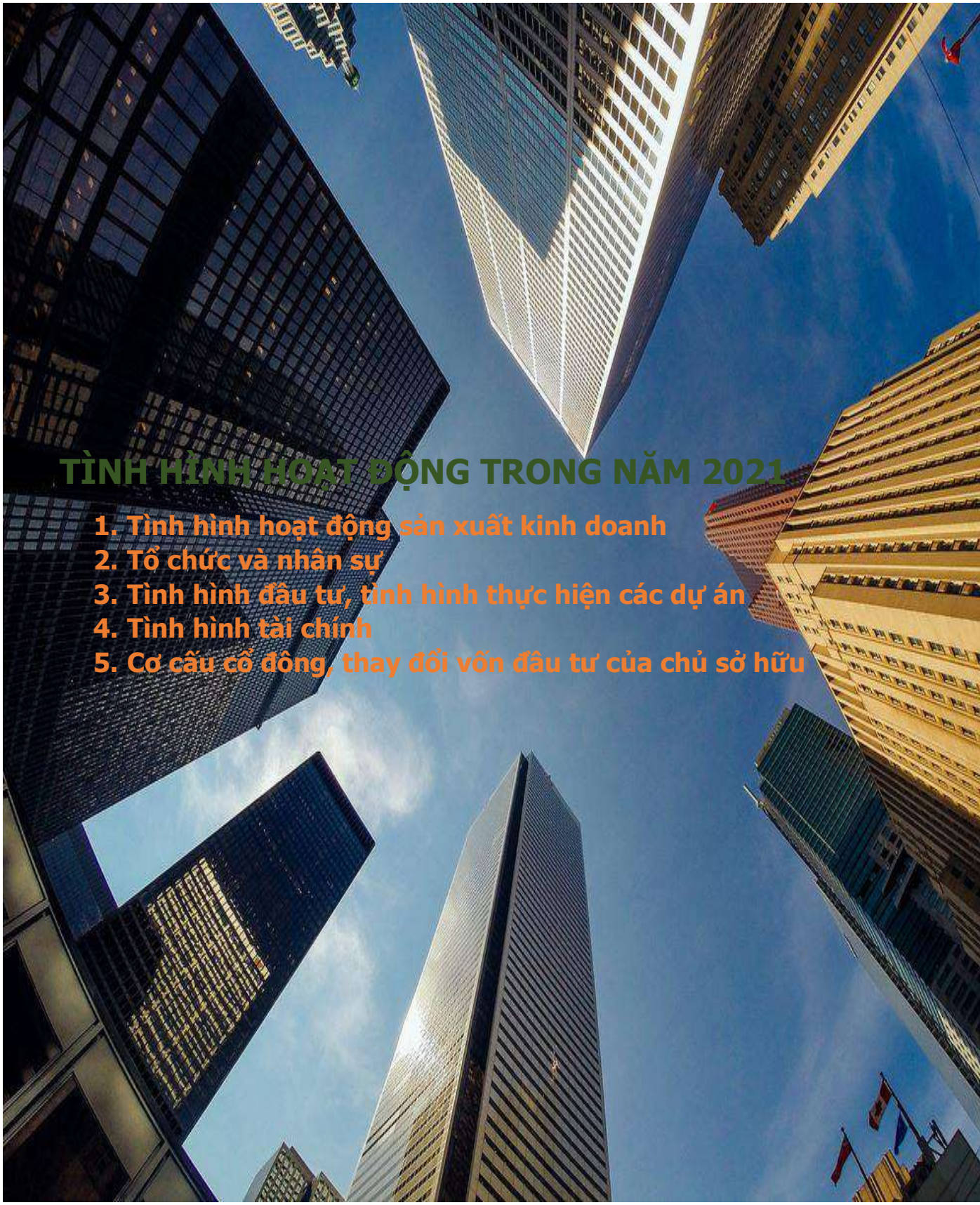

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết thúc năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH2021	KH2022	TH2022	TH2022/ KH2022
Tổng sản lượng	Triệu đồng	93.694	140.000	141.051	100,75%
Doanh thu	Triệu đồng	96.821	130.000	134.469	103,44%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	-5.950	2.769	3.047	110,04%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-5.950	2.769	3.047	110,04%
Tỷ lệ cổ tức	%	0	0	0	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022)

Trong năm 2022, Công ty đạt 103,44% kế hoạch về doanh thu và 100,75% kế hoạch về sản lượng, đã hoàn thành được kế hoạch đề ra.

Công ty đã cố gắng thực hiện tốt công tác quản lý chi phí; đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng chi phí.

Mảng cung cấp các sản phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực tiền chế vẫn là sản phẩm kinh doanh chủ đạo của công ty bên cạnh hoạt động cung cấp dịch vụ xây, lắp công trình dân dụng, Công ty cũng đã thực hiện các biện pháp để quản lý chi phí tốt hơn để đảm bảo lợi nhuận tăng trưởng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban điều hành

1. Ông Trần Thanh Hải - Giám đốc

- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2004	BĐH DA V2-BĐH các dự án phía nam - Tổng Công ty XD giao thông 8,	Cán bộ kỹ thuật
2004	KCS Công ty cổ phần bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai - CNVP	Cán bộ kỹ thuật
2005-2007	Công ty cổ phần bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai – CN Vĩnh Phúc	Cán bộ kỹ thuật Xưởng Sản Xuất Chính
2008	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Phó quản đốc X. SXC
2009-2015	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Quản đốc X. SXC
10/2015- 06/2020	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Phó Giám đốc
06/2020 đến nay	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Giám đốc

2. Ông Trần Duy Tình – Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005-2013	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Cán bộ kỹ thuật và phó quản đốc xưởng sản xuất cấu kiện PC
2014-2016	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Phó phòng kinh tế- kế hoạch
2017-05/2020	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Trưởng phòng kỹ thuật sản xuất
05/2020 đến nay	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Phó Giám đốc

3. Bà Nguyễn Ngọc Phượng

- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 6/2008	Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Nhân viên kế toán
7/2008 - 8/2009	Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Nhân viên kế toán
9/2009 - 12/2011	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Phó phòng Tài chính - kế toán
01/2012 – 12/2014	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Phụ trách phòng Tài chính
01/2015 – nay	Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú	Kế toán trưởng

Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty là 176 người, Cơ cấu nhân sự của Công ty như sau:

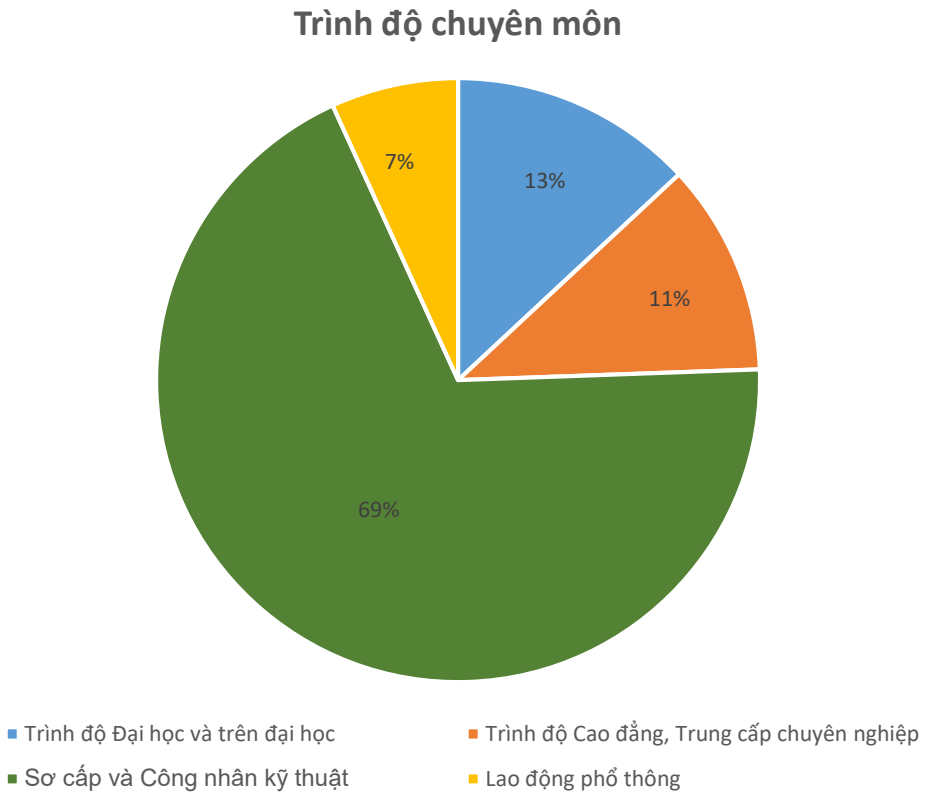

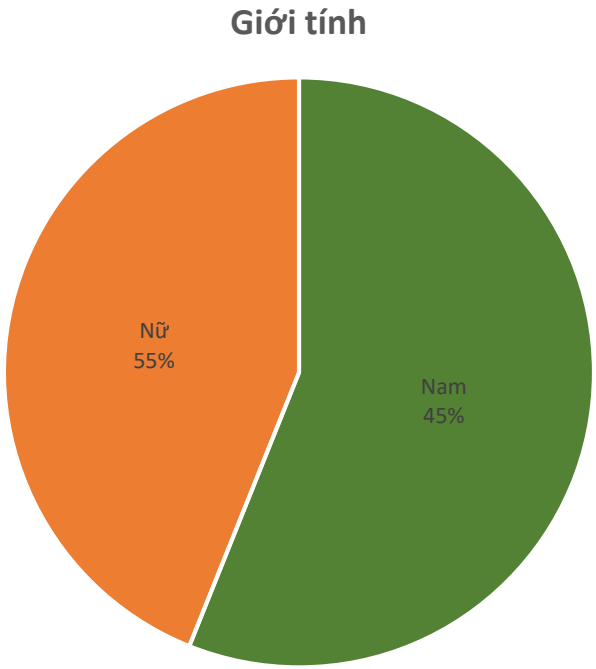

Chính sách với người lao động

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ, đãi ngộ riêng cho CBCNV, đặc biệt là những công nhân có tay nghề, kinh nghiệm,gắn bó với Công ty như chính sách hỗ trợ tổ trưởng, ca trưởng, công nhân ưu tú,...Nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động, Công ty đã xây dựng *"Thỏa ước lao động tập thể"*, quy chế tiền lương,

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ăn ca, khám sức khỏe định kỳ,...

Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động phù hợp với tính chất công việc,

Công ty luôn chú trọng công tác cải thiện môi trường làm việc,nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động,

Người lao động được thưởng hàng năm,thưởng trong dịp lễ tết,ngày thành lập Công ty và thưởng thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất,

Nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, hàng năm Công ty luôn tổ chức các hoạt động văn hóa,văn nghệ, thể thao nhân dịp các ngày lễ lớn của Công ty nói riêng và của cả dân tộc nói chung.

Hàng năm, người lao động được Công ty bố trí đi tham quan, nghỉ mát, bồi dưỡng sức khỏe.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các ngành kỹ thuật, kinh tế xây dựng và các nghề mà Công ty đang có nhu cầu sử dụng thông qua liên kết với một số trường đào tạo chuyên môn như Trường Trung cấp nghề kỹ thuật Xây dựng,...

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các dự án tiêu biểu năm 2022

Nhà máy SLP Park Nam Sơn Hạp Lĩnh

Khu công nghiệp Nam Sơn Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Sàn cảnh quan chung cư cao cấp Sun Marina Town

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Nhà máy Daiwa

KCN Thăng Long Vĩnh Phúc, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Nhà máy KYOCERA số 3

KCN Thăng Long II, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT:VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	93.379.504.550	115.982.829.027	24%
Doanh thu thuần	96.562.695.283	134.234.274.468	39%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-5.971.786.644	2.941.746.603	149%
Lợi nhuận khác	21.976.497	105.916.187	382%
Lợi nhuận trước thuế	-5.949.810.147	3.047.662.790	151%
Lợi nhuận sau thuế	-5.949.810.147	3.047.662.790	151%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1.487	762	151%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,29	1,27
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,88	0,83
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	58,79	64,33
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	142,68	180,33
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,30	4,91
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,06	1,28
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-6,61	2,09
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-15,46	6,81
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-6,37	2,43
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-6,18	2,02

Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty trong cả năm 2021 và 2022 đều trên 1, cho thấy công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của mình. Hệ số thanh toán nhanh của công ty trong năm 2022 xấp xỉ 1 cho thấy công ty sẵn sàng thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng bằng các khoản tiền và tương đương tiền.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Số lượng cổ phần: 4.000.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phiếu ưu đãi: Không có

Số cổ phiếu phổ thông: 4.000.000 cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành: 4.000.000 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.000.000 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

TT	Tên cổ đông	31/12/2022	
		Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty mẹ (XMC)	3.455.550	86,39%
2	Cổ đông khác (CBCNV)	544.450	13,61%
Cộng		**4.000.000**	**100%**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp)

Danh sách cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	31/12/2022	
		Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty mẹ (XMC)	3.455.550	86,39%
Cộng		**3.455.550**	**86,39%**

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Kể từ khi thành lập đến nay quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Ngày 22/07/2010 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 21.500.000.000 đồng lên 40.000.000.000 đồng theo quyết định số 553/UBCK-GCN ngày 20/04/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú.

Từ 2010 đến nay, Công ty không tăng vốn điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm Công ty không thực hiện giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

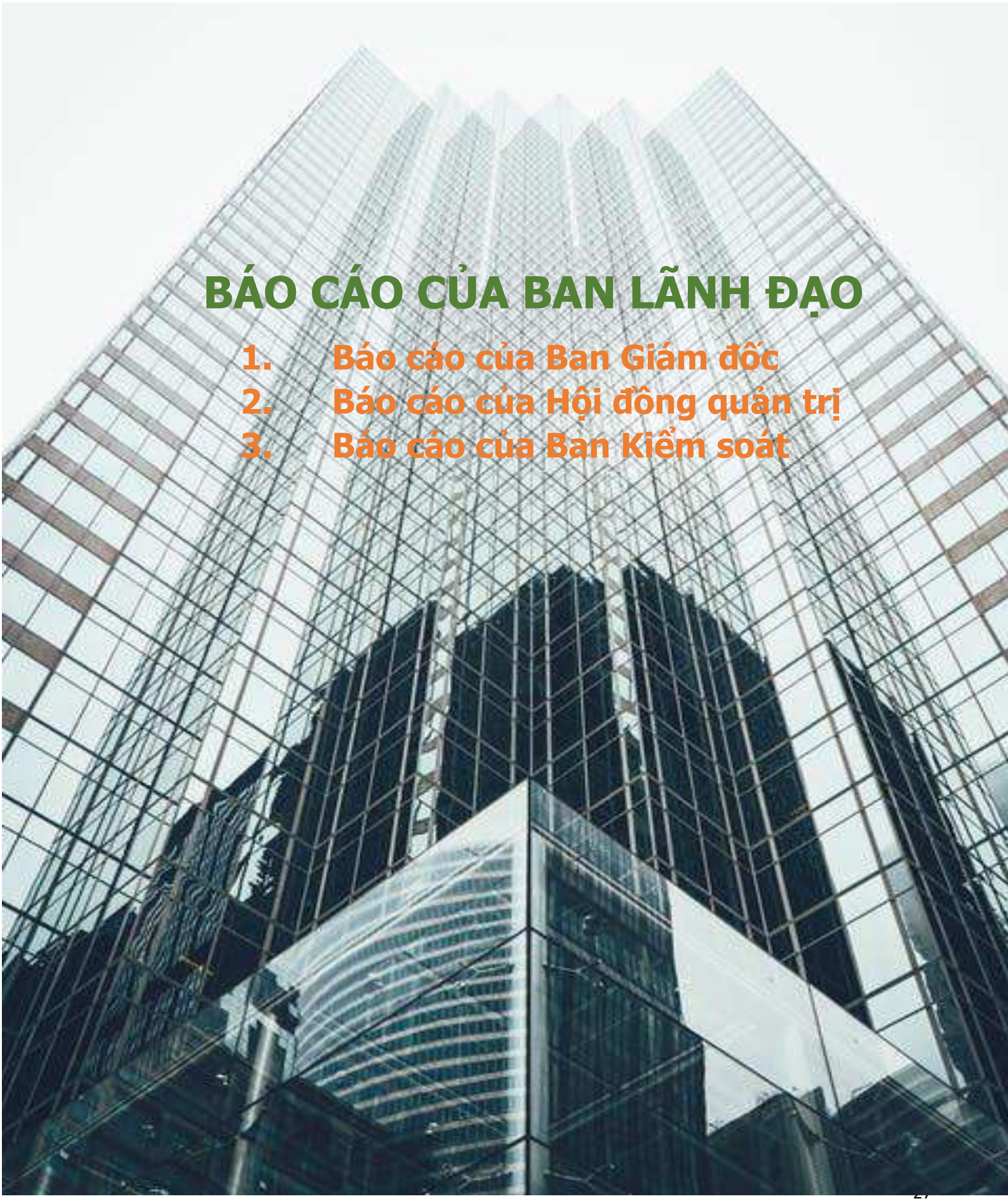

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

1. Báo cáo của Ban Giám đốc
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2022,với việc áp dụng các quy chế được HĐQT ban hành cùng với quy chế quản lý công ty con đã giúp Ban lãnh đạo Công ty XMD nâng cao năng lực quản lý,khống chế chi phí quản lý,chi phí tài chính nằm trong kế hoạch,minh bạch trong quản lý tài chính,
- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và cung cấp các sản phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực tiền chế, Bên cạnh từng bước nâng cao năng lực trong lĩnh vực lắp dựng các công trình,góp phần đáng kể vào tăng sản lượng,doanh thu của Công ty,
- Tiếp tục sắp xếp,bố trí lại bộ máy sản xuất tổ,đội để tăng tối đa năng lực thi công sản xuất,
- Phổ biến,hướng dẫn đưa quy trình PDCA (Plan – Do – Check – Action) - (Lên kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra - Khắc phục) đến từng CBCNV thực hiện, Việc thực hiện quy trình trên không chỉ ở cấp độ công ty,mà phải vận hành cho từng người,từng công việc cụ thể của mỗi cán bộ để đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như chất lượng công việc,
- Bên cạnh đó vẫn còn một số khó khăn trong công tác thu hồi công nợ chậm,bám sát công nợ khách hàng để đưa ra phương án xử lý kịp thời, Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh quyết toán,xử lý công nợ đặc biệt là những tồn đọng cũ không có phát sinh mới,
- Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay,nhân lực lao động trực tiếp cho ngành xây dựng đang bị cạnh tranh rất gay gắt với các ngành khác thì việc Tuyển Dụng và Giữ Người lại càng quan trọng, Để làm được việc này, chúng ta cần:
    - Thực hiện chính sách tiền lương,thưởng theo thị trường,thực hiện nâng cao năng suất lao động,giảm thiểu các công việc lao động chân tay,
    - Thực hiện các chế độ hỗ trợ người lao động như: bảo hiểm,nhà ở, ăn ca, các chế độ khác đối với người lao động theo Pháp luật của nhà nước,giúp người lao động gắn bó lâu dài với Công ty,

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tập trung phát huy những thuận lợi,khắc phục những khó khăn,phát huy nguồn lực con người nhằm đạt được các kế hoạch đã đề ra,

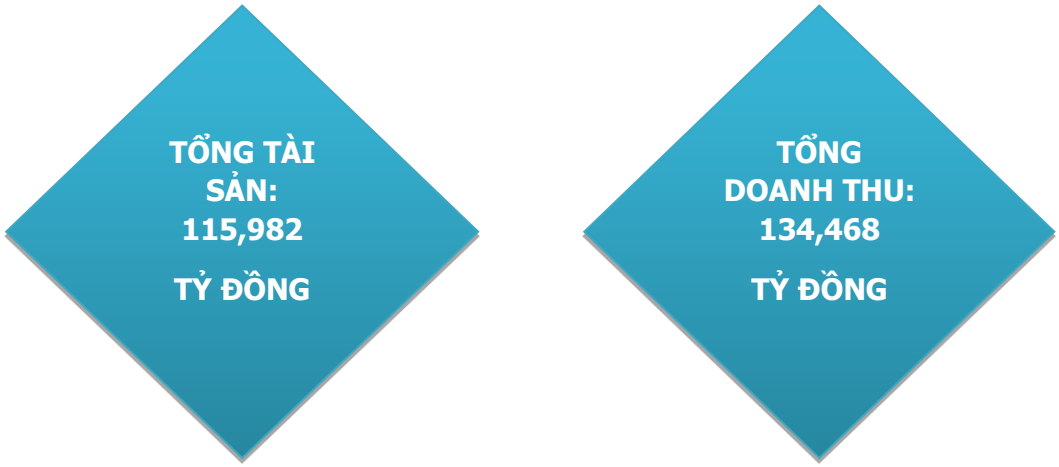

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	%tăng trưởng
Tổng doanh thu	Triệu đồng	96.562	134.234	39%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-5.949	3.047	151%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-5.949	3.047	151%
EPS	Đồng	-1487	762	151%
Cổ tức chi trả/vốn điều lệ	%	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Doanh thu năm 2022 tăng 139,01% so với năm 2021 do BLĐ công ty đã chủ động hơn trong việc tìm kiếm các khách hàng mới, song do ảnh hưởng tình hình chung của toàn bộ nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng nói riêng trong giai đoạn dịch bệnh khó khăn thiếu hụt về sản lượng, dư thừa năng lực sản xuất không bù đắp hết được các chi phí cố định của công ty.

Tình hình tài sản

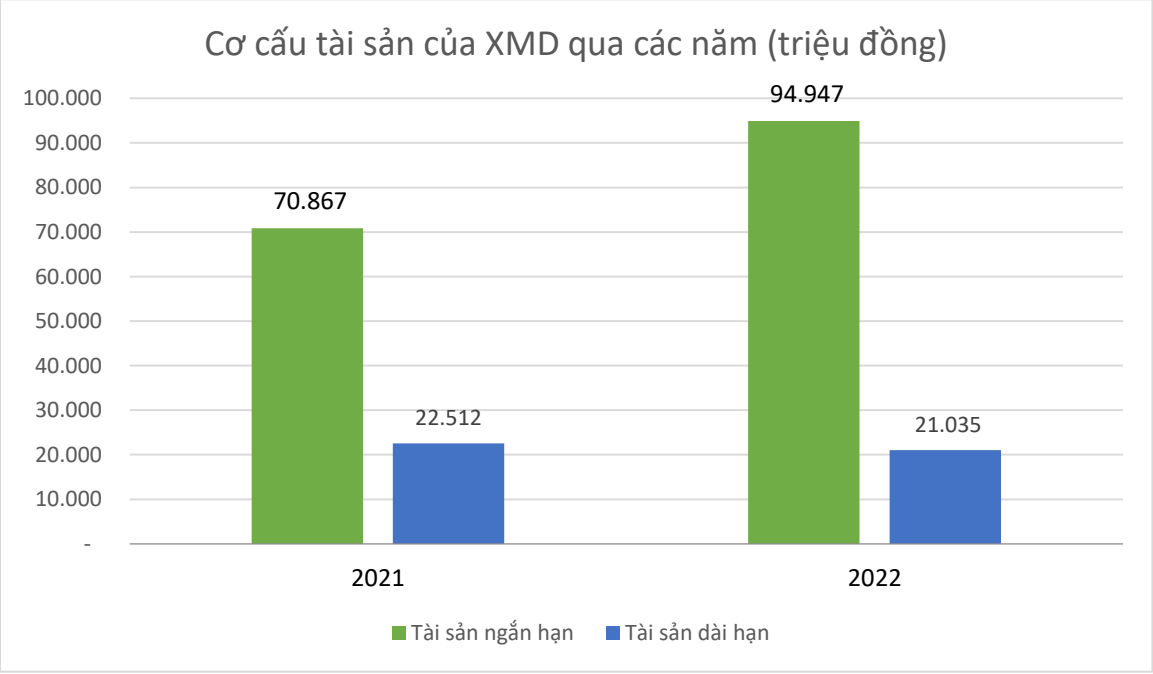

Tính đến ngày 31/12/2022 tổng giá trị tài sản đạt 115.747 triệu đồng,tăng 123,95% so với cùng kì năm 2021.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tỷ lệ năm 2022 so với năm 2021
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	54.901	100,00%	74.457	100,00%	135,62%
Nợ dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	0,00%
Tổng nợ	**54.901**	**100,00%**	**74.457**	**100,00%**	**135,62%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022

Xét về cơ cấu nợ ngắn hạn - dài hạn,trong hai năm công ty không có nợ dài hạn,Trong năm 2022 giá trị khoản nợ ngắn hạn tăng 35,62% so với năm 2021.

Ban lãnh đạo Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng, Ban lãnh đạo công ty từng bước tái cơ cấu,giảm dần các khoản nợ,giảm gánh nặng chi phí, thường xuyên theo dõi chặt chẽ nhu cầu thanh toán hiện tại và tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay một cách hợp lý nhất, Giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của công ty,

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- Năm 2022 là năm cho thấy sự cố gắng vượt bậc của công ty trong công tác chăm lo đời sống người lao động,đặc biệt công tác trả lương cho CBCNV, thanh toán BHXH kịp thời, đúng hạn, được CBCNV Công ty và các cơ quan ở địa phương ghi nhận, đánh giá cao, Công ty đã và đang từng bước hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, ổn định tổ chức và cân đối bổ sung lực lượng cán bộ công nhân viên cho các bộ phận, nâng cao chế độ và trách nhiệm của cán bộ quản lý, Tăng cường công tác quản lý, giám sát đối với các phòng ban

và các đơn vị sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn đồng thời phát huy được lợi thế cạnh tranh về công nghệ và nguồn nhân lực của Công ty,

- Công ty đã xây dựng và từng bước hoàn thiện chặt chẽ các quy trình sản xuất, giám sát từng bước từ khâu nhập vật tư đầu vào, lắp dựng khuôn ván, gia công cốt thép, trộn bê tông, đổ bê tông, dưỡng hộ sản phẩm đến hoàn thiện sản phẩm vv…làm cơ sở để đơn vị thi công thực hiện và cán bộ kỹ thuật kiểm tra, giám sát,
- Để nâng cao hiệu quả trong SXKD, Hội đồng quản trị cùng Ban lãnh đạo Cty tập trung vào các sản phẩm chiến lược là thế mạnh của Công ty như: cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm… Với định hướng trên, năm qua Công ty đã vận hành bộ máy tổ chức quản lý một cách nhịp nhàng hơn, Do đó mà năng lực máy móc thiết bị, mặt bằng sản xuất được khai thác triệt để góp phần không nhỏ vào việc tăng trưởng và phát triển của Công ty,
- Tiếp tục phát huy thế mạnh của sản phẩm bê tông đúc sẵn là chất lượng đảm bảo, vượt khẩu độ lớn, giá thành hạ, thời gian thi công ngắn đó là những ưu điểm vượt trội so với biện pháp thi công truyền thống, Sản phẩm bê tông đúc sẵn đã khẳng định được thương hiệu và có uy tín trên thị trường,

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Phát huy những kết quả đã đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 vừa qua, Công ty dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2023 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tăng trưởng (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	134.469	140.000	104,11%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.047	4.023	132,03%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.047	4.023	132,03%
4	Cổ tức	%	0	0	

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2022:

Thuận lợi:

- Năm 2022, Công ty mẹ XMC đã hỗ trợ tích cực,kịp thời cho Công ty Xuân Mai – Đạo Tú từ nguồn công việc, tổ chức bộ máy hoạt động và công tác tài chính.
- Khối lượng công việc sản xuất cấu kiện DƯL, thi công xây lắp, thi công nội bộ đã được nâng lên rõ rệt, cơ bản đáp ứng được yêu cầu việc làm cho người lao động.
- Bộ máy nhân sự được tổ chức, sắp xếp hợp lý, phù hợp với năng lực sản xuất nên đã phát huy được hiệu quả và năng suất lao động.
- Hệ thống thiết bị đã được cải tạo dây truyền sản xuất tương đối đồng bộ, được bảo trì, bảo dưỡng tốt, đáp ứng tiến độ công việc.

Khó khăn:

- Thị trường xây dựng dân dụng và công nghiệp có sự cạnh tranh khốc liệt từ những đơn vị cùng ngành nghề.
- Công tác thu hồi công nợ tồn đọng cũ còn chậm, phần nào ảnh hưởng đến quay vòng vốn và chi phí tài chính công ty,
- Dây truyền sản xuất cần sự đồng bộ cao hơn nữa, Công ty đang có lộ trình thay thế dần hệ thống khuôn ván, trụ neo cũ.
- Cạnh tranh thị trường lao động ngày càng gay gắt, có những thời điểm nguồn công việc ít nên ảnh hưởng đến tâm lý người lao động, gây thất thoát nguồn nhân lực.

❖ ***Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:*** *(Số liệu sau kiểm toán):*

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/5*
I, Tổng giá trị SXKD:	**Tr, đồng**	140.000	141.051	100,8%
II, Tổng doanh thu:	**Tr, đồng**	130.000	134.469	103,4%
III, Lợi nhuận trước thuế	**Tr, đồng**	2.796	3.047	109,0%
IV, Lợi nhuận sau thuế	**Tr, đồng**	2.796	3.047	109,0%
VI, Đầu tư phát triển	**Tr, đồng**	0		
VII, Lao động tiền lương				
1, Lao động SD bình quân	Người	180	176,6	98,1%
2, Thu nhập bình quân người/tháng	Tr, đồng	6,5	7,3	112,3%

- Qua những số liệu trên có thể thấy rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua về giá trị sản lượng và doanh thu đã đạt kế hoạch (lần lượt là 100,71% và 103,44%), Do số lượng công việc chưa đáp ứng được hết năng lực lao động trong Công ty.
- Tuy nhiên, năm qua cũng cho thấy những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty trong việc tích cực tìm kiếm công việc ngoài góp phần nâng giá trị sản lượng, doanh thu trong năm 2022.

2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022

❖ Sản xuất công nghiệp:

- Trong năm 2022, Công ty sản xuất, cung cấp cấu kiện cho các công trình tiêu biểu như: Nhà kho A1, 2, 3, 4 và 5 - DA SLP - Hạp Lĩnh, Bắc Ninh, Daiwa Vĩnh Phúc, Marina Highrise Quảng Ninh, Mishubisi Bắc Giang, Hyundai Việt Trì, Vinfast Vĩnh Phúc, Vinata Tower.... vv, đảm bảo chất lượng và tiến độ các công trình được Chủ đầu tư và Tổng thầu đánh giá cao.

❖ Tình hình thi công xây lắp:

- Chất lượng thi công xây lắp ngoài công trình luôn được đặc biệt quan tâm và được Ban lãnh đạo kiểm tra, chỉ đạo thường xuyên, đáp ứng được yêu cầu chất lượng ngày càng cao của chủ đầu tư, Công tác thi công xây lắp ngoài công trường tập trung chủ yếu vào 3 lĩnh vực chính:
  (1) Lắp dựng kết cấu;
  (2) Lắp dựng tấm tường Acotec;
  (3) Thi công hoàn thiện: xây bao trát ngoài, xây trát trong, ốp lát, chống thấm;
- Do được đầu tư đồng bộ hệ thống lắp tấm tường, máy móc thiết bị công cụ, dụng cụ…. đã nâng cao năng lực lắp dựng của Công ty, hiện Công ty có thể triển khai thi công 3 dự án cùng lúc, đáp ứng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu,
- Giá trị doanh thu thi công xây lắp thực hiện năm 2022 đạt 21.825 tỷ đồng, chiếm 16,26% tổng doanh thu,

❖ Công tác đầu tư, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng:

- Năm 2022, Công ty đã được HĐQT phê duyệt để triển khai thực hiện đầu tư hệ thống ván khuôn, máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất.... Các hạng mục đầu tư với giá trị không đáng kể dựa trên các hạng mục đã đầu tư các năm trước để phát huy những hiệu quả trong công tác sản xuất, giảm thiểu chi phí và điều hành bộ máy chuyên nghiệp hơn.

❖ Công tác quản lý chất lượng sản phẩm:

- Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 : 2015 nhằm giúp hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ, hiệu quả và góp phần quản trị doanh nghiệp tốt hơn,
- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm năm 2022 đã được cải thiện đáng kể so với năm 2021, sản phẩm sản xuất cho các công trình được chủ đầu tư đánh giá rất tốt về chất lượng,
- Công ty đã xây dựng và đồng bộ hoàn thiện chặt chẽ các quy trình sản xuất, giám sát nội bộ từ khâu nhập vật tư đầu vào, lắp dựng khuôn ván,gia công cốt thép, trộn bê tông, đổ bê tông, dưỡng hộ sản phẩm đến hoàn thiện sản phẩm vv,,,làm cơ sở để đơn vị thi công thực hiện và cán bộ kỹ thuật kiểm tra, giám sát,
- Công ty đã cập nhật, duy trì áp dụng toàn bộ quy trình quản lý chất lượng, thi công của Công ty mẹ vào quá trình thi công sản xuất tại XMD giúp nâng cao chất lượng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật,

❖ Công tác quản lý, chăm lo đời sống cho người lao động:

- Công tác tài chính mặc dù còn khó khăn nhưng công tác trả lương cho CBCNV, trả BHXH, giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản,… cho người lao động rất kịp thời và đúng hạn, được CBCNV Công ty và các cơ quan chức năng ghi nhận, đánh giá cao,
  Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thanh toán lương hết tháng 02/2023, chi trả bảo hiểm hết tháng 02/2023, hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế với Nhà nước hết tháng 02/2023.
- Thu nhập của người lao động được cải thiện rõ rệt, năm sau cao hơn năm trước, Ngoài ra Công ty còn kịp thời khen thưởng cho CBCNV có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tổ chức tốt đời sống ăn ca, nhà ở và các phong trào thể dục thể thao, duy trì chế độ hỗ trợ tổ trưởng, ca trưởng, Lao động nòng cốt và có tay nghề cao…

❖ Một số công tác khác

- Với việc áp dụng các quy chế được HĐQT ban hành cùng với quy chế quản lý công ty con đã giúp Ban điều hành XMD nâng cao năng lực quản lý, quản trị có hiệu quả chi phí quản lý, minh bạch trong quản lý tài chính,
- Công tác ATLĐ, VSMT năm 2022 đã được cải thiện đáng kể so với năm 2021 với các biện pháp kiểm tra, nhắc nhở hàng ngày, huấn luyện định kỳ hàng tháng, tổng kết thưởng phạt hàng quý, Cùng với việc tăng cường kiểm tra và từng bước **xây dựng, áp dụng quy trình 5S** trong nhà máy đã đem lại không gian ngăn nắp, sạch sẽ trong các xưởng sản xuất,

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất, kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, Tổ chức triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;
- Giám đốc thực hiện nghiêm túc việc báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, Báo cáo hàng Quý được Giám đốc báo cáo trong các cuộc họp HĐQT,
- Giám đốc đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó giám đốc, trưởng phòng, ban và thường xuyên tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và triển khai giao kế hoạch công việc,
- Ban Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát ngay từ Ban điều hành và quản lý cấp trung,
- Tổ chức thực hiện đúng theo các quy trình, quy chế quản trị nội bộ, triển khai thực hiện đúng các quy định về chế độ đối với người lao động,

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị xác định những mục tiêu hiện thực cho Ban điều hành và thống nhất các giải pháp như sau:

1. Mục tiêu:

- Xây dựng Công ty XMD vững mạnh, hiệu quả trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường,
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo các cấp có tâm, đủ tầm, năng động sáng tạo và chuyên nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả,

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023
1, Tổng giá trị SXKD:	Triệu đồng	150.000
2, Tổng doanh thu:	Triệu đồng	140.000
3, Tổng lợi nhuận trước thuế:	Triệu đồng	4.023
4, Lợi nhuận sau thuế:	Triệu đồng	4.023
5, Tỷ lệ cổ tức:	%	
6, Lao động sử dụng bình quân:	Người	190
7, Thu nhập bình quân/người	Triệu đồng	8,0

2. Hội đồng quản trị định hướng một số giải pháp thực hiện cho năm 2023 như sau:

❖ Công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Xây dựng nhân lực là mục tiêu quan trọng hàng đầu của XMD để đáp ứng kịp thời cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Việc xây dựng nhân lực phải có chiến lược cụ thể và đồng bộ từ Tuyển dụng - Sử dụng - Giữ người lao động…Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay nhân lực trực tiếp cho ngành xây dựng đang gặp khó khăn trong quá trình tuyển dụng thì việc giữ chân người lao động lại càng quan trọng,
- Trong năm 2023, Ban điều hành tiếp tục nâng cao năng suất,hiệu quả lao động, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra, Điều phối nhân lực phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh, tăng cường, hỗ trợ nhân lực có trình độ,chuyên môn trong Nhà máy để điều động đáp ứng cho khối công trường,
- Thực hiện chính sách tiền lương, thưởng theo thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật về chính sách bảo hiểm xã hội, thực hiện các chế độ đãi ngộ khác cho người lao động, giúp người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, Xây dựng, điều chỉnh đơn giá giao khoán theo sản lượng bê tông thực tế sản xuất hàng tháng làm căn cứ tính lương cho các đơn vị, Đơn giá giao khoán dựa theo định mức chi phí quản lý doanh nghiệp do Công ty mẹ ban hành,

❖ Hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và cung cấp các sản phẩm bê tông cốt thép DƯL tiền chế, Bên cạnh đó nâng cao năng lực lắp dựng các công trình để tăng giá trị sản lượng, doanh thu, tăng hiệu quả quản lý chi phí doanh nghiệp,
- Tiếp tục sắp xếp, bố trí sản xuất cho tổ, đội hợp lý để tăng tối đa năng lực thi công sản xuất, Tiếp tục triển khai công việc lắp dựng tấm tường đi vào hoạt động chuyên nghiệp,

- Tăng cường tính chủ động trong công tác tìm kiếm việc làm ngoài các công việc Công ty mẹ giao, Tranh thủ tối đa sự chỉ đạo, ủng hộ các nguồn lực của Công ty mẹ đối với Công ty con trong việc tìm kiếm công việc ngoài,
- Tiết giảm chi phí hơn nữa để nâng cao tính cạnh tranh đem lại lợi nhuận tốt,
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh quyết toán,

❖ Hoạt động đầu tư:

- Công ty tiếp tục đầu tư vào dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm,

❖ Chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục chuẩn hóa các quy trình kỹ thuật, duy trì, cải tiến quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiêm túc thực hiện quy trình đánh giá chất lượng,
- Nâng cao năng lực của cán bộ kỹ thuật, gắn chất lượng sản phẩm với trách nhiệm của mỗi cán bộ kỹ thuật phòng ban và xưởng sản xuất,
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải tiến, ứng dụng, học hỏi các đơn vị trong hệ thống về mặt kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm;
- Chất lượng con người là nhân tố quyết định chất lượng sản phẩm, Cho nên Công ty tiếp tục duy trì quy chế khoán lương theo vị trí chức danh công việc, theo phân loại CBCNV và có sự đánh giá chất lượng công việc theo kết quả hoàn thành, với các tiêu chí đánh giá rõ ràng sẽ là công cụ nâng cao năng suất,chất lượng con người, đáp ứng mọi yêu cầu của công việc,

❖ Công tác tài chính, quản lý chi phí:

- Tiếp tục duy trì và nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát chi phí để tăng lợi nhuận cho từng dự án tham gia,tiết giảm chi phí, tránh lãng phí vật tư,vật liệu,
- Bám sát công nợ khách hàng để đưa ra phương án xử lý kịp thời,
- Cân đối các nguồn lực về tài chính và sử dụng vốn, đặc biệt là cân đối các dòng tiền phục vụ thi công ngoài công trường, Huy động các nguồn vốn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2022,

❖ Công tác an toàn và bảo hộ lao động:

- Thông tin tuyên truyền, phổ biến thường xuyên và rộng rãi nội quy, quy chế về ATLĐ và PCCN cho CBCNV trong toàn Công ty và ngoài công trường, Tiếp tục duy trì thực hiện **quy trình quản lý 5S** trong nhà máy,
- Duy trì đào tạo, huấn luyện cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật về ATVSLĐ - PCCN hiện hành,
- Trang bị đầy đủ bảo hộ và các thiết bị ATVSLĐ, PCCN phù hợp với từng loại hình công việc, từng công đoạn sản xuất,
- Tăng cường kiểm tra giám sát công tác ATVSLĐ và PCCN tại công ty và các công trường,

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban
2	Nguyễn Đức Thảo	Thành viên
3	Đặng Việt Đức	Thành viên

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty,
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp,
- Đại diện Ban kiểm soát kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc,
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản Pháp luật có liên quan,
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban giám đốc lập; Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, Đồng thời, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của sai sót kế toán và ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính,

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Trách nhiệm với người lao động
2. Trách nhiệm với môi trường
3. Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội
4. Trách nhiệm với nhà đầu tư

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chặng đường phát triển trong suốt thời gian vừa qua của Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú không thể không nói đến vai trò tối quan trọng của nguồn lực toàn công ty. Ban lãnh đạo, đặc biệt là Hội đồng quản trị, Ban điều hành rất quan tâm, chú trọng đến CBCNV – người lao động. Ngoài việc chăm lo giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, lãnh đạo công ty còn đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ, thu hút nhân tài, đặc biệt là công nhân có tay nghề, kinh nghiệm, gắn bó với công ty như chính sách hỗ trợ tổ trưởng, ca trưởng, công nhân ưu tú...

Cụ thể, trong năm 2022, Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú đã thực hiện các công tác, chế độ chính sách cho người lao động như:

- Đảm bảo thanh toán đầy đủ tiền lương, trích nộp BHXH, BHYT đúng, đủ, kịp thời; Thực hiện chế độ thai sản, nghỉ dưỡng sức đầy đủ.
- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Người lao động được thưởng hàng năm, thưởng trong dịp lễ tết, ngày thành lập Công ty và thưởng thành tích đột xuất trong lao động sản xuất.
- Nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, hàng năm Công ty luôn tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao nhân dịp các ngày lễ lớn của Công ty nói riêng và của cả dân tộc nói chung.
- Hàng năm người lao động được Công ty bố trí đi thăm quan, nghỉ mát, bồi dưỡng sức khoẻ trong và ngoài nước.
- Ngoài ra công ty đã liên kết với trường Trung cấp nghề kỹ thuật Xây Dựng và Nghiệp vụ dạy nghề đào tạo và cấp bằng/chứng chỉ nghề cho người lao động. Khuyến khích CBCNV tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn.

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường tới sự sống của trái đất, Trong quá trình sản xuất công ty không chỉ đảm bảo chất lượng sản phẩm mà còn chú trọng đến vấn đề đảm bảo vệ sinh môi trường, giữ gìn cảnh quan, không gian sạch sẽ hướng tới hình ảnh một công ty phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm quy định về đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động,

Tác động đến môi trường: công tác sản xuất cấu kiện bê tông, thi công tại các công tình xây dựng,,,

- Bụi: Bụi phát tán vào không khí;
- Tiếng ồn: Ô nhiễm tiếng ồn gây ra bởi các phương tiện thi công;
- Nước thải: Nước thải từ sinh hoạt, từ quá trình sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường;
- Chất thải rắn: Các chất thải rắn thải ra môi trường xung quanh,

Biện pháp khắc phục:

- Bụi: Bụi tại xưởng sản xuất khắc phục bằng cách sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên và nhân tạo, hút bụi cục bộ trực tiếp từ chỗ bụi được tạo ra, Dùng các công cụ bảo hộ lao động trong quá trình sản xuất, Tránh tập kết vật tư vào cùng một thời điểm: Khi chuyên chở nguyên vật liệu sản xuất phát sinh nhiều bụi phải phủ kín để hạn chế bụi,
- Tiếng ồn: Phải có kế hoạch sản xuất, thi công hợp lý các thiết bị gây ồn, Khi sản xuất, thi công phải điều chỉnh sự cân bằng của máy để làm giảm lực quán tính gây ra tiếng ồn, ở các máy có sự rung động bề mặt, có bao phủ máy bằng một loại vật liệu làm giảm rung động: như tấm dạ tẩm bitum, cao su, chất dẻo,
- Nước thải: Nạo vét bùn lắng sau khi sản xuất, thi công xong, Vệ sinh sạch sẽ nhà xưởng, khu vệ sinh cho công nhân viên,
- Chất thải rắn: Các loại chất thải rắn phát sinh như: xi măng, bê tông, sắt, cát,,,là loại chất thải không nguy hại, được thu gom triệt để đổ vào nơi quy định, có thể tái sử dụng, Chất thải sinh hoạt được thu gom và giao cho Công ty dịch vụ môi trường xử lý,

Ngoài ra trong quá trình sản xuất Công ty luôn đảm bảo tối ưu hóa sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên,

Công ty tích cực triển khai các hoạt động nhằm nâng cao ý thức cho toàn thể nhân viên thông qua việc đào tạo kiến thức, quy định luật pháp về bảo vệ môi trường, phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường,trồng và chăm sóc cây xanh, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình sản xuất,

Với những nỗ lực trong suốt thời gian qua, Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú chưa vi phạm bất kỳ quy định nào liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, Công ty cam kết sẽ đem lại lợi ích cho cộng đồng, các cổ đông và cán bộ nhân viên trong công ty một cách bền vững nhất,

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh, có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,,, tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú đã làm được;

Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội, Hàng năm, công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống,,,cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn;

TRÁCH NHIỆM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Là một doanh nghiệp đã tham gia thị trường chứng khoán, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư, Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truyền tải thông tin tới nhà đầu tư thông qua chuyên mục " Quan hệ cổ đông" trên website của Công ty và qua kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội,

Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới nhất về Quản trị công ty, công bố thông tin đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với cổ đông của Công ty cũng như các nhà đầu tư quan tâm tới Công ty,

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Các giao dịch,thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đức Ứng	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 07/04/2022)
2	Ông Nguyễn Cao Thắng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 07/04/2022)
3	Ông Đinh Viết Long	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 07/04/2022)
4	Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT

CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thể hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị,

- Ban hành Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị,

- Thông qua chương trình, nội dung, Nghị quyết trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022,

- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị,

Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
Chủ tịch HĐQT	5	100%	
Ủy viên HĐQT	5	100%	
Ủy viên HĐQT	5	100%	

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện thành công các cuộc họp, đã thảo luận và đưa ra các Nghị quyết, Cụ thể: Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú, Nghị quyết họp Hội đồng quản trị mở rộng,,,,

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Mức thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể:

- Thù lao cho HĐQT năm 2022: Không có
- Thù lao Ban Kiểm soát năm 2022: Không có
- Mức thưởng cho BĐH năm 2022: Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tham gia thị trường chứng khoán từ cuối năm 2015, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

AASCN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880

CN Hà Nội: P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (84-24) 6281.1281

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	**2 – 3**
Báo cáo kiểm toán độc lập	**4 – 5**
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	**6 – 35**
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1903000500 ngày 11 tháng 6 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, Công ty đang hoạt động theo mã số doanh nghiệp 2500302820.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, cát sỏi (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước);
- Xây dựng lắp đặt công trình.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Cao Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Đức Ứng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Ông Đinh Viết Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Thanh Hải	Ủy viên	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Hải	Giám đốc
Ông Trần Duy Tình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Phượng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2023

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

M.S.D.N: 2500302820 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI ĐẠO TÚ
H. TAM DƯƠNG - T. VĨNH PHÚC

Trần Thanh Hải

Số: 201 /2023/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI – ĐẠO TÚ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuân Mai – Đạo Tú tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc

Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2023-152-1

Kiểm toán viên

Phạm Đức Bảo
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5308-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**94.947.366.694**	**70.867.048.441**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.01**	**965.555.726**	**5.332.298.081**
1.	Tiền	111		965.555.726	1.359.298.081
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	3.973.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**-**	**-**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**60.924.377.256**	**43.439.460.330**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	60.487.009.908	35.013.307.329
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	420.000.000	8.622.887.501
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.777.155.490	1.641.974.992
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.759.788.142)	(1.838.709.492)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**V.06**	**33.057.433.712**	**21.866.216.121**
1.	Hàng tồn kho	141		33.057.433.712	21.866.216.121
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**-**	**229.073.909**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	229.073.909
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**21.035.462.333**	**22.512.456.109**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**18.610.897.257**	**21.650.908.854**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	18.610.897.257	21.650.908.854
	- Nguyên giá	*222*		*82.654.425.301*	*82.654.425.301*
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(64.043.528.044)*	*(61.003.516.447)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	*225*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	-
	- Nguyên giá	*228*		*709.520.793*	*709.520.793*
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		*(709.520.793)*	*(709.520.793)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**2.424.565.076**	**861.547.255**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.424.565.076	861.547.255
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**115.982.829.027**	**93.379.504.550**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**74.457.289.789**	**54.901.628.102**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**74.457.289.789**	**54.901.628.102**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	30.697.460.812	20.647.602.555
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	14.920.477.373	4.630.652.569
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	238.873.351	12.900.609
4.	Phải trả người lao động	314		1.935.262.374	1.462.851.434
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	52.577.673	45.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.552.493.557	2.243.845.414
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	25.047.992.186	25.569.923.058
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.152.463	288.852.463
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**41.525.539.238**	**38.477.876.448**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.16**	**41.525.539.238**	**38.477.876.448**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*40.000.000.000*	*40.000.000.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.604.205.371	5.604.205.371
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.712.666.133)	(10.760.328.923)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(10.760.328.923)*	*(4.810.518.776)*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*3.047.662.790*	*(5.949.810.147)*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**115.982.829.027**	**93.379.504.550**

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Vân	Nguyễn Ngọc Phượng	Trần Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.01**	**134.234.274.468**	**96.562.695.283**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**134.234.274.468**	**96.562.695.283**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	123.603.206.479	93.927.535.476
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**10.631.067.989**	**2.635.159.807**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	125.604.811	257.972.914
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.530.332.026	1.757.453.035
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.530.332.026*	*1.741.242.467*
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	418.892.472	2.562.366.045
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	5.865.701.699	4.545.100.285
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**2.941.746.603**	**(5.971.786.644)**
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	108.900.000	26.738.350
12.	Chi phí khác	32	VI.06	2.983.813	4.761.853
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**105.916.187**	**21.976.497**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**3.047.662.790**	**(5.949.810.147)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**3.047.662.790**	**(5.949.810.147)**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**V.08**	**762**	**(1.487)**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**V.09**	**762**	**(1.487)**

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Vân	Nguyễn Ngọc Phượng	Trần Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***3.047.662.790***	***(5.949.810.147)***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		3.040.011.597	3.582.327.131
-	Các khoản dự phòng	03		(78.921.350)	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.615.331)	(257.972.914)
-	Chi phí lãi vay	06		1.530.332.026	1.741.242.467
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***7.515.469.732***	***(884.213.463)***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.176.921.667)	(4.539.446.774)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.191.217.591)	1.211.225.854
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		20.325.658.886	12.231.626.071
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.563.017.821)	693.706.337
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1.500.254.353)	(1.741.242.467)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(276.700.000)	(202.400.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(3.866.982.814)***	***6.769.255.558***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(1.093.367.352)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.500.000.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.800.000.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.615.331	257.972.914
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***23.615.331***	***(535.394.438)***

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		88.432.981.524	95.092.783.509
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(88.954.912.396)	(96.805.269.690)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.444.000)	(18.249.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(523.374.872)***	***(1.730.735.681)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(4.366.742.355)**	**4.503.125.439**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**5.332.298.081**	**829.172.642**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**965.555.726**	**5.332.298.081**

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Vân	Nguyễn Ngọc Phượng	Trần Thanh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất cấu kiện bê tông và xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, cát sỏi (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước);
- Xây dựng lắp đặt công trình.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất cấu kiện bê tông dự ứng lực và thi công xây dựng công trình.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- Phần mềm quản lý nhân sự	03 năm
- Phần mềm điều hành sản xuất	05 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán và cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	287.586.577	8.261.244
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	677.969.149	1.351.036.837
- Các khoản tương đương tiền	-	3.973.000.000
Cộng	**965.555.726**	**5.332.298.081**

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***60.487.009.908***	***35.013.307.329***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	37.554.319.468	17.937.873.134
- Công ty Cổ phần Dragcons	5.783.367.632	6.433.367.632
- Công ty Cổ phần Xây dựng Megaspace	5.419.999.947	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	4.958.432.342	5.352.296.103
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	6.770.890.519	5.289.770.460
Cộng	**60.487.009.908**	**35.013.307.329**

Đơn vị tính: VND

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***43.135.289.738***	***25.500.090.631***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	37.554.319.468	17.937.873.134
- Công ty TNHH MTV Xuân Mai Bình Dương	618.213.554	1.618.213.554
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	4.324.374	-
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	-	591.707.840
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	4.958.432.342	5.352.296.103
Cộng	**43.135.289.738**	**25.500.090.631**

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	***420.000.000***	***8.622.887.501***
- Công ty TNHH Trung Hoàng Phát	420.000.000	1.248.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	-	7.268.082.501
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	-	106.805.000
Cộng	**420.000.000**	**8.622.887.501**

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	***7.268.082.501***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	-	7.268.082.501
Cộng	**-**	**7.268.082.501**

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn	***1.777.155.490***	***(1.563.053.642)***	***1.641.974.992***	***(1.641.974.992)***
- Tạm ứng	-	-	1.641.974.992	(1.641.974.992)
- Ký quỹ, ký cược	214.101.848	-	-	-
- Phải thu khác	1.563.053.642	(1.563.053.642)	-	-
Cộng	**1.777.155.490**	**(1.563.053.642)**	**1.641.974.992**	**(1.641.974.992)**

05. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Ông Nguyễn Thanh Sơn	1.563.053.642	-	1.641.974.992	-
- Các đối tượng khác	196.734.500	-	196.734.500	-
Cộng	**1.759.788.142**	**-**	**1.838.709.492**	**-**

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	12.617.796.185	-	9.791.983.458	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.150.158.123	-	1.133.652.668	-
- Thành phẩm	14.289.479.404	-	10.940.579.995	-
Cộng	**33.057.433.712**	**-**	**21.866.216.121**	**-**

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	***46.631.005.886***	***32.723.705.875***	***2.505.695.358***	***794.018.182***	***82.654.425.301***
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	***46.631.005.886***	***32.723.705.875***	***2.505.695.358***	***794.018.182***	***82.654.425.301***
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	***33.148.098.158***	***25.085.099.180***	***1.976.300.927***	***794.018.182***	***61.003.516.447***
- Khấu hao trong năm	1.203.974.676	1.705.682.456	130.354.465	-	3.040.011.597
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	***34.352.072.834***	***26.790.781.636***	***2.106.655.392***	***794.018.182***	***64.043.528.044***
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	***13.482.907.728***	***7.638.606.695***	***529.394.431***	-	***21.650.908.854***
2. Tại ngày cuối năm	***12.278.933.052***	***5.932.924.239***	***399.039.966***	-	***18.610.897.257***

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 32.892.550.409 đồng.

Phần lớn tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc như chi tiết tại thuyết minh số V.10.

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm nhân sự	Phần mềm điều hành sản xuất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	***60.900.000***	***588.620.793***	***60.000.000***	***709.520.793***
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	***60.900.000***	***588.620.793***	***60.000.000***	***709.520.793***
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	***60.900.000***	***588.620.793***	***60.000.000***	***709.520.793***
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	***60.900.000***	***588.620.793***	***60.000.000***	***709.520.793***
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 709.520.793 đồng.

09. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn	***2.424.565.076***	***861.547.255***
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	76.391.529	68.770.846
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	303.182.431	117.635.337
- Chi phí gia công ván khuôn	2.011.059.029	612.875.609
- Chi phí khác	33.932.087	62.265.463
Cộng	**2.424.565.076**	**861.547.255**

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	**25.569.923.058**	**25.569.923.058**	**88.432.981.524**	**88.954.912.396**	**25.047.992.186**	**25.047.992.186**
- Vay ngân hàng	***25.569.923.058***	***25.569.923.058***	***88.432.981.524***	***88.954.912.396***	***25.047.992.186***	***25.047.992.186***
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc [(a)]	19.643.672.041	19.643.672.041	73.492.178.852	73.220.278.338	19.915.572.555	19.915.572.555
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc [(b)]	5.926.251.017	5.926.251.017	14.940.802.672	15.734.634.058	5.132.419.631	5.132.419.631
Cộng	**25.569.923.058**	**25.569.923.058**	**88.432.981.524**	**88.954.912.396**	**25.047.992.186**	**25.047.992.186**

(a): Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng cấp tín dụng số 22/DN-ĐB1P/NHHM 106 ngày 16 tháng 12 năm 2022 với hạn mức là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 416800 bao gồm quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hóa luân chuyển và quyền tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty.

(b): Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/362395/HĐTD ngày 05 tháng 7 năm 2022 với hạn mức là 6.500.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở thư tín dụng L/C (nếu có). Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị và một phần nhà xưởng sản xuất của Công ty tại khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	***30.697.460.812***	***30.697.460.812***	***20.647.602.555***	***20.647.602.555***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	10.206.659.394	10.206.659.394	-	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị TNA	556.959.590	556.959.590	2.146.809.555	2.146.809.555
- Công ty TNHH Trung Hoàng Phát	7.619.124.160	7.619.124.160	9.214.970.272	9.214.970.272
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	12.314.717.668	12.314.717.668	9.285.822.728	9.285.822.728
Cộng	**30.697.460.812**	**30.697.460.812**	**20.647.602.555**	**20.647.602.555**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	***14.973.907.182***	***14.973.907.182***	***2.114.753.099***	***2.114.753.099***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	10.206.659.394	10.206.659.394	-	-
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	2.532.038.836	2.532.038.836	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	-	-	135.649.994	135.649.994
- Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	1.818.354.750	1.818.354.750	1.596.146.105	1.596.146.105
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	416.854.202	416.854.202	382.957.000	382.957.000
Cộng	**14.973.907.182**	**14.973.907.182**	**2.114.753.099**	**2.114.753.099**

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	***14.920.477.373***	***4.630.652.569***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	8.190.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư CBT	3.933.756.805	-
- Công ty Cổ phần Ngói cao cấp AMADO	-	1.611.364.000
- Công ty Cổ phần Minh Quân Vĩnh Phúc	-	1.044.402.569
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Duy Bảo	1.400.751.000	1.400.751.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.395.969.568	574.135.000
Cộng	**14.920.477.373**	**4.630.652.569**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	***8.190.000.000***	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	8.190.000.000	-
Cộng	**8.190.000.000**	-

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	241.862.201	28.815.029	-	213.047.172
- Thuế thu nhập cá nhân	-	12.900.609	41.611.469	28.685.899	-	25.826.179
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	544.695.953	544.695.953	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	4.263.747	4.263.747	-	-
Cộng	**-**	**12.900.609**	**832.433.370**	**606.460.628**	**-**	**238.873.351**

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn	***52.577.673***	***45.000.000***
- Chi phí lãi vay	30.077.673	-
- Các khoản trích trước khác	22.500.000	45.000.000
Cộng	**52.577.673**	**45.000.000**

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	***1.552.493.557***	***2.243.845.414***
- Kinh phí công đoàn	136.261.537	149.351.616
- Bảo hiểm xã hội	-	162.654.030
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	*78.356.000*	*79.800.000*
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.337.876.020	1.852.039.768
Cộng	**1.552.493.557**	**2.243.845.414**

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	**40.000.000.000**	**3.634.000.000**	**5.604.205.371**	**(4.810.518.776)**	**44.427.686.595**
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(5.949.810.147)	(5.949.810.147)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	**40.000.000.000**	**3.634.000.000**	**5.604.205.371**	**(10.760.328.923)**	**38.477.876.448**
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.047.662.790	3.047.662.790
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	**40.000.000.000**	**3.634.000.000**	**5.604.205.371**	**(7.712.666.133)**	**41.525.539.238**

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	34.555.500.000	86,39	34.261.500.000	85,65
- Vốn góp của các cổ đông khác	5.444.500.000	13,61	5.738.500.000	14,35
Cộng	**40.000.000.000**	**100**	**40.000.000.000**	**100**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*4.000.000*	*4.000.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*4.000.000*	*4.000.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	4.795.891.500	-
- Doanh thu bán thành phẩm	101.051.255.589	48.453.855.157
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	427.281.978	-
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	27.959.845.401	48.108.840.126
Cộng	**134.234.274.468**	**96.562.695.283**

Đơn vị tính: VND

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	56.331.684.137	42.475.061.633
- Công ty TNHH MTV Xuân Mai Bình Dương	-	1.358.885.269
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	4.795.891.500	118.475.800
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	3.518.218.777	30.530.038.749
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	4.004.050	-
Cộng	**64.649.798.464**	**74.482.461.451**

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.713.595.500	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	90.882.702.237	49.167.566.058
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	314.299.313	-
- Giá vốn của hợp đồng xây lắp	27.692.609.429	44.759.969.418
Cộng	**123.603.206.479**	**93.927.535.476**

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	23.615.331	257.972.914
- Thu lãi chậm thanh toán	101.989.480	-
Cộng	**125.604.811**	**257.972.914**

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.530.332.026	1.741.242.467
- Chi phí tài chính khác	-	16.210.568
Cộng	**1.530.332.026**	**1.757.453.035**

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	108.900.000	26.738.350
Cộng	**108.900.000**	**26.738.350**

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	2.983.813	4.761.853
Cộng	**2.983.813**	**4.761.853**

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	***5.944.623.049***	***4.545.100.285***
- Chi phí nhân viên quản lý	4.499.613.851	3.233.436.732
- Chi phí vật liệu quản lý	413.499.131	252.121.667
- Chi phí đồ dùng văn phòng	145.240.628	74.478.833
- Chi phí khấu hao TSCĐ	192.235.309	394.793.837
- Thuế, phí và lệ phí	26.115.860	39.024.718
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	484.097.278	359.302.483
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	183.820.992	191.942.015
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	***418.892.472***	***2.562.366.045***
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.777.778	2.389.391.601
- Chi phí bằng tiền khác	416.114.694	172.974.444
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	***(78.921.350)***	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(78.921.350)	-
Cộng	**6.284.594.171**	**7.107.466.330**

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.047.662.790	(5.949.810.147)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.047.662.790	(5.949.810.147)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**762**	**(1.487)**

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.047.662.790	(5.949.810.147)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.047.662.790	(5.949.810.147)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**762**	**(1.487)**

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.401.288.692	72.030.037.795
- Chi phí nhân công	20.349.396.860	15.001.567.280
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.040.011.597	3.582.327.131
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.425.861.340	5.028.271.388
- Chi phí khác bằng tiền	2.115.568.375	2.159.922.351
- Chi phí dự phòng	(78.921.350)	-
Cộng	**138.253.205.514**	**97.802.125.945**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	870.719.637	696.432.621
Cộng	**870.719.637**	**696.432.621**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Xuân Mai Bình Dương	Cùng Công ty mẹ

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại VI.01, còn một số nghiệp vụ khác giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai		
- Lãi chậm thanh toán tiền hàng	101.989.480	-
- Mua hàng hóa	42.119.669.061	18.832.157.575
- Thu tiền vay	-	18.700.000.000
- Trả tiền vay	-	18.700.000.000
- Chi tiền cho vay	-	9.500.000.000
- Thu hồi tiền cho vay	-	9.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai		
- Thuê dịch vụ	2.582.398.100	2.422.037.301
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai		
- Thuê dịch vụ	1.293.188.018	462.779.091
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai		
- Chi phí thầu phụ	11.238.743.395	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản công nợ với các bên liên quan thuyết minh tại V.02, V03, V.11 và V.12 Công ty không còn các công nợ khác với các bên liên quan khác.

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, cát, sỏi, xi măng;
- Lĩnh vực lắp dựng: Xây dựng, lắp đặt công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất công nghiệp	Lắp dựng, xây dựng	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	101.051.255.589	33.183.018.879	134.234.274.468
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	96.671.205.835	34.621.322.030	131.292.527.865
- ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh***	***4.380.049.754***	***(1.438.303.151)***	***2.941.746.603***
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.316.244.797	1.088.982.151	4.405.226.948
Số dư cuối năm nay			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	88.606.455.855	26.410.817.446	115.017.273.301
- Tài sản không phân bổ			965.555.726
Tổng tài sản	**88.606.455.855**	**26.410.817.446**	**115.982.829.027**
- Nợ phải trả bộ phận	56.042.129.546	18.403.007.780	74.445.137.326
- Nợ phải trả không phân bổ			12.152.463
Tổng nợ phải trả	**56.042.129.546**	**18.403.007.780**	**74.457.289.789**

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất công nghiệp	Lắp dựng, xây dựng	Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48.453.855.157	48.108.840.126	96.562.695.283
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	53.486.415.438	49.048.066.489	102.534.481.927
- ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh***	***(5.032.560.281)***	***(939.226.363)***	***(5.971.786.644)***
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	548.636.957	544.730.395	1.093.367.352
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.497.972.266	2.480.185.487	4.978.157.753
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	53.941.289.774	34.105.916.695	88.047.206.469
- Tài sản không phân bổ			5.332.298.081
Tổng tài sản	**53.941.289.774**	**34.105.916.695**	**93.379.504.550**
- Nợ phải trả bộ phận	27.403.952.559	27.208.823.080	54.612.775.639
- Nợ phải trả không phân bổ			288.852.463
Tổng nợ phải trả	**27.403.952.559**	**27.208.823.080**	**54.901.628.102**

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	965.555.726	-	5.332.298.081	-	965.555.726	5.332.298.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.050.063.550	(1.759.788.142)	36.655.282.321	(1.838.709.492)	60.290.275.408	34.816.572.829
Cộng	**63.015.619.276**	**(1.759.788.142)**	**41.987.580.402**	**(1.838.709.492)**	**61.255.831.134**	**40.148.870.910**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	30.697.460.812	20.647.602.555	30.697.460.812	20.647.602.555
Vay và nợ thuê tài chính	25.047.992.186	25.569.923.058	25.047.992.186	25.569.923.058
Chi phí phải trả	52.577.673	45.000.000	52.577.673	45.000.000
Các khoản phải trả khác	1.416.232.020	1.931.839.768	1.416.232.020	1.931.839.768
Cộng	**57.214.262.691**	**48.194.365.381**	**57.214.262.691**	**48.194.365.381**

Ghi chú: Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	30.697.460.812	-	-	30.697.460.812
Vay và nợ	25.047.992.186	-	-	25.047.992.186
Chi phí phải trả	52.577.673	-	-	52.577.673
Các khoản phải trả khác	1.416.232.020	-	-	1.416.232.020
Cộng	**57.214.262.691**	**-**	**-**	**57.214.262.691**
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	20.647.602.555	-	-	20.647.602.555
Vay và nợ	25.569.923.058	-	-	25.569.923.058
Chi phí phải trả	45.000.000	-	-	45.000.000
Các khoản phải trả khác	1.931.839.768	-	-	1.931.839.768
Cộng	**48.194.365.381**	**-**	**-**	**48.194.365.381**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Vân	Nguyễn Ngọc Phượng	Trần Thanh Hải